

HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG CÔNG VĂN SỐ 315/SXD-KTXD

Áp dụng công văn số 315/SXD-KTXD ngày 25/04/2013 để lập dự toán theo phương pháp phân tích đơn giá xây dựng chi tiết (chiết tính đơn giá) cũng tương tự như cách lập dự toán khi áp dụng công văn số 841/SXD-KTXD và công văn số 842/SXD-KTXD.

1. Bảng tổng hợp nhân công (Sheet NC): Nhấn chuột phải chọn “**Tính lương nhân công theo công theo công bố**” hoặc nhấn **F6**.

Lấy lại đơn giá nhân công gốc
Xem bảng tính tiền lương nhân công... F5
Tính lương nhân công theo công bố... F6
Đơn giá nhân công theo công bố...

Chọn **mức lương tối thiểu** là 810.000 đồng/tháng (Khu vực thành phố Đà Lạt và thành phố Bảo Lộc) hoặc 730.000 đồng/tháng (Khu vực các huyện còn lại). Thông tin điều chỉnh nhân công theo công bố có thể áp dụng theo CV số 974/SXD-KTXD, 207/TB-SXD-KTXD và 1291/TB-SXD-KTXD.

2. Bảng tổng hợp ca máy (sheet MAY): Nhấn chuột phải vào cột giá gốc chọn “Cột ‘Giá

gốc' bằng giá ca máy theo công bố".

Lấy lại đơn giá gốc
Cột 'Giá gốc' bằng giá ca máy theo công bố...
Cột 'Giá T5/2013' bằng giá ca máy theo công bố...

Chọn công văn công bố số 315/SXD-KTXD và lương tối thiểu 730.000 đồng/tháng.

Chọn đơn giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố

Sử dụng menu 'Bảng giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố' để cập nhật bảng giá ca máy - thiết bị thi công theo công bố hoặc cập nhật ADTPro phiên bản mới nhất để tải về bảng giá ca máy - thiết bị thi công.

Chọn 'Chấp nhận' nếu bạn muốn áp dụng cột 'Giá ca máy' cho hạng mục công trình hiện tại.

Chọn văn bản công bố giá ca máy: 315/SXD-KTXD Lương tối thiểu: 730,000

CV số 315/SXD-KTXD ngày 25/04/2013 v/v công bố định chính giá nhân công, giá ca máy, thiết bị thi công xây dựng phổ biến trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, công bố theo văn bản số 315/SXD-KTXD ngày 25/04/2013

Mã VLNC	Ca máy - thiết bị thi công	ĐVT	Giá ca máy (giá gốc)	Giá ca máy công bố	Ref
M24A039	Cần cầu 10T	ca	1,963,407	730,000	1,951,713
M24A042	Cần cầu 16T	ca	2,253,504	730,000	2,241,810
M240040	Cần trục ôtô 6T	ca	1,623,979	730,000	1,612,973
M240020	Đầm dùi 1,5 KW	ca	124,336	730,000	119,796
M330012	Khoan cầm tay 0,5 KW	ca	115,177	730,000	110,604
M240110	Máy cắt gạch đá 1,7KW	ca	125,643	730,000	121,103
M240118	Máy cắt uốn cốt thép 5KW	ca	135,624	730,000	131,084
M240130	Máy hàn 23 KW	ca	196,120	730,000	190,794
M240141	Máy khoan 4,5KW	ca	169,336	730,000	164,796
M240166	Máy nén khí điện 360m3/h	ca	882,041	730,000	876,715
M240192	Máy trộn bê tông 250l	ca	182,779	730,000	178,239
M240195	Máy trộn vữa 80l	ca	132,215	730,000	127,675
M240196	Máy vận thăng 0,8T	ca	275,727	730,000	271,187
M240016	Ô tô tự đổ 5 tấn	ca	1,089,440	730,000	1,084,016

Chấp nhận Đóng

Hệ số điều chỉnh máy thi công: 1 Ghi chú

Bù trực tiếp: Giá ca máy = [Giá gốc]*HSDC+[Bù NL]+[Bù NCLM] Bù Tổng chênh lệch nhiên liệu/NCLM tại bảng THKP

Nhấn chuột phải để tính lương nhân công điều khiển máy (giá gốc) – chi phí lương nhân công điều khiển máy công bố theo CV số 315/SXD-KTXD.

ĐVT	Giá gốc	Giá T7/2012
công	92,951	Tính lương nhân công điều khiển máy (giá gốc)...
công	107,102	Tính lương nhân công điều khiển máy (giá T7/2012)...
công	94,367	

Chọn mức lương tối thiểu là 730.000 đồng/tháng và phụ cấp theo lương cơ bản 0.26 (26%).

Bảng tính lương nhân công điều khiển máy

- Chức năng này cho phép xem và tính bảng tiền lương nhân công điều khiển máy thi công dựa trên mức lương tối thiểu (LTT), phụ cấp theo lương tối thiểu (PCLTT), phụ cấp theo lương cơ bản (PCLCB), phụ cấp khu vực.

- Chọn Chấp nhận nếu bạn muốn áp dụng giá trị cột 'Lương ngày công' cho lương nhân công điều khiển máy (Giá gốc).

LTT (vùng): **730,000** LTT chung: PC theo LTT: 0.4 PC theo LCB: **0.26** Số ngày: 26 PCKV: 0%

MaNC	Cấp bậc thợ	Hệ số lương	LTT (vùng)	LTT chung	LCB	P.C theo lương	Lương tháng	Số ngày	Lương ngày công
						LTT LCB			
NA.1.8.37	C.nhân bậc 3/7 (nhóm II)	2.310	730,000		1,686,300	0.4 0.26	2,416,738	26	92,951
NA.1.8.47	C.nhân bậc 4/7 (nhóm II)	2.710	730,000		1,978,300	0.4 0.26	2,784,658	26	107,102
NB12.2.14	Công nhân lái xe bậc 1/4 loại	2.350	730,000		1,715,500	0.4 0.26	2,453,530	26	94,367
NB12.2.24	Công nhân lái xe bậc 2/4 loại	2.760	730,000		2,014,800	0.4 0.26	2,830,648	26	108,871
NB12.2.34	Công nhân lái xe bậc 3/4 loại	3.250	730,000		2,372,500	0.4 0.26	3,281,350	26	126,206
NB12.3.14	Công nhân lái xe bậc 1/4 loại	2.510	730,000		1,832,300	0.4 0.26	2,600,698	26	100,027
NB12.3.34	Công nhân lái xe bậc 3/4 loại	3.440	730,000		2,511,200	0.4 0.26	3,456,112	26	132,927

Chấp nhận **Căn cứ tính lương**

Nhấn chuột phải để tính lương nhân công điều khiển máy (giá tháng) – chi phí lương nhân công điều khiển máy tại thời điểm lập dự toán.

Bảng giá nhân công điều khiển máy

ĐVT	Giá gốc	Giá T7/2012
công	92,951	
công	107,102	
công	94,367	

Tính lương nhân công điều khiển máy (giá gốc)...

Tính lương nhân công điều khiển máy (giá T7/2012)...

Chọn **mức lương tối thiểu vùng**, phụ cấp theo lương cơ bản 0.26 (26%) và phụ cấp khu vực.

Bảng tính lương nhân công điều khiển máy

- Chức năng này cho phép xem và tính bảng tiền lương nhân công điều khiển máy thi công dựa trên mức lương tối thiểu (LTT), phụ cấp theo lương tối thiểu (PCLTT), phụ cấp theo lương cơ bản (PCLCB), phụ cấp khu vực.
 - Chọn Chấp nhận nếu bạn muốn áp dụng giá trị cột 'Lương ngày công' cho lương nhân công điều khiển máy (Giá T7/2012).

LTT (vùng) 1,780,000 LTT chung: PC theo LTT: 0.4 PC theo LCB 0.26 Số ngày: 26 PCKV 10%

MaNC	Cấp bậc thợ	Hệ số lương	LTT (vùng)	LTT chung	LCB	P.C theo lương		Lương tháng	Số ngày	Lương ngày công
						LTT	LCB			
▶ NA.1.8.37	C.nhân bậc 3/7 (nhóm II)	2.310	1,780,000		4,111,800	0.4	0.26	6,070,868	26	233,495
NA.1.8.47	C.nhân bậc 4/7 (nhóm II)	2.710	1,780,000		4,823,800	0.4	0.26	6,967,988	26	268,000
NB12.2.14	Công nhân lái xe bậc 1/4 loại	2.350	1,780,000		4,183,000	0.4	0.26	6,160,580	26	236,945
NB12.2.24	Công nhân lái xe bậc 2/4 loại	2.760	1,780,000		4,912,800	0.4	0.26	7,080,128	26	272,313
NB12.2.34	Công nhân lái xe bậc 3/4 loại	3.250	1,780,000		5,785,000	0.4	0.26	8,179,100	26	314,581
NB12.3.14	Công nhân lái xe bậc 1/4 loại	2.510	1,780,000		4,467,800	0.4	0.26	6,519,428	26	250,747
NB12.3.34	Công nhân lái xe bậc 3/4 loại	3.440	1,780,000		6,123,200	0.4	0.26	8,605,232	26	330,970

Chấp nhận

Căn cứ tính lương
 Đóng

-/-